

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẠI L  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số: 167/2021/HNGĐ-ST**

**Ngày 16/6/2021**

**V/v Tranh chấp: *Ly hôn***

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ph

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Nam Phước

2. Bà Nguyễn Thị Mừng

*Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Nguyệt Sương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại L tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐ-HPT ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th

- Trú tại: Thôn Phú Ph, xã Đại T, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam (*có mặt*)

- *Bị đơn:* Ông Lê Đức Đ

Trú tại: Thôn Phước B (nay là thôn Phú Ph), xã Đại M, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2020 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:*

Bà và ông Lê Đức Đ xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã Đại M, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Bà Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc vợ chồng đã thật sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Đ để mỗi người được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Bà Th khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại hồ sơ vụ án thể hiện, ông Lê Đức Đ hiện có hộ khẩu tại Thôn Phước Bình, xã Đại M, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam. Nhưng hiện nay, ông Lê Đức Đ không có mặt tại địa phương. TAND huyện Đại L đã làm việc mẹ ruột ông là bà Nguyễn Thị Tịnh. Qua xác minh, bà Nguyễn Thị Tịnh xác định ông Lê Đức Đ đã đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Do vậy, Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng của ông Đ tại địa phương như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo việc công khai chứng cứ, thông báo về các phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

*\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại L phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Trần Thị Th đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70,71, 186, 188, 189, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn ông Lê Đức Đ, trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 , 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ vắng mặt, không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án:* Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Th và ông Đ đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Th, xử cho bà Th được ly hôn với ông Đ.

*Về con chung:* Bà Th khai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Bà Th khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại L và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về tố tụng:*** Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Lê Đức Đ đã không hợp tác làm việc với Tòa. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Đức Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật

- ***Về nội dung:***

+ ***Về quan hệ hôn nhân:*** Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Th và ông Lê Đức Đ thì thấy ông bà đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại M năm 1999. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của bà Th và ông Đ thì thấy: Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung. Vợ chồng bà Th và ông Đ ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian ly thân ông Đ, bà Th bỏ mặt không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th xử cho bà Th được ly hôn với ông Đ là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

+ **Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:** Bà Th khai không có nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí:** Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc bà Th phải chịu án phí theo quy định

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Th:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên xử cho bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Lê Đức Đ.

- **Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:** Không có

- **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) đồng bà Th phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Công đã nộp theo biên lai thu số 0003891 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại L.

- **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Các CQ THTT;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại M;
- UBND xã Đại Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Ph**